

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 34
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn HAPACO") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Tập đoàn HAPACO

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thụy	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn HAPACO trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thanh Yên	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Bà Trần Tiểu Phụng	Thành viên
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/09/2013)
Bà Vũ Thị Hiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/03/2013)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn HAPACO.



## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn HAPACO.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TS. Vũ Dương Hiến

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc



Số: 584 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cải Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2014

**Nguyễn Ngọc Lân**

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1427-2013-002-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>449.397.953.415</b>	<b>181.726.766.238</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.325.587.502	10.197.472.826
111	1. Tiền		44.325.587.502	10.197.472.826
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	274.738.836.453	22.068.806.853
121	1. Đầu tư ngắn hạn		274.739.141.895	22.921.141.895
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(305.442)	(852.335.042)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		128.712.551.647	148.122.611.746
131	1. Phải thu khách hàng		1.572.557.196	1.572.557.196
132	2. Trả trước cho người bán		12.476.283.562	18.847.678.371
135	3. Các khoản phải thu khác	5	116.666.383.323	129.988.198.613
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.002.672.434)	(2.285.822.434)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.620.977.813	1.337.874.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	51.948.676
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		65.911	65.911
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.619.416.926	1.285.860.226
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>575.240.864.049</b>	<b>461.173.405.949</b>
220	II. Tài sản cố định		256.418.771.748	111.407.372.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	361.047.399	482.478.207
222	- Nguyên giá		796.235.000	829.598.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(435.187.601)	(347.120.429)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	256.057.724.349	110.924.894.317
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	318.822.092.301	349.233.212.459
251	1. Đầu tư vào công ty con		256.226.220.713	254.511.956.187
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		75.976.000.000	89.746.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		40.775.251.523	40.816.251.523
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(54.155.379.935)	(35.840.995.251)
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	532.820.966
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	532.820.966
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.024.638.817.464</b>	<b>642.900.172.187</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>493.651.711.535</b>	<b>136.967.069.218</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>399.031.478.535</b>	<b>94.965.381.218</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	306.960.000.000	2.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		29.829.911.893	10.938.091.100
313	3. Người mua trả tiền trước		1.459.574.621	1.459.574.621
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	695.109.190	667.783.015
315	5. Phải trả người lao động		424.353.888	238.442.699
316	6. Chi phí phải trả	12	2.829.105.678	2.369.337.963
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	57.799.823.233	78.258.551.788
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(966.399.968)	(966.399.968)
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>94.620.233.000</b>	<b>42.001.688.000</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	14	94.620.233.000	42.001.688.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>530.987.105.929</b>	<b>505.933.102.969</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>530.987.105.929</b>	<b>505.933.102.969</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.601.220.000	280.752.610.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		126.320.828.671	168.169.438.671
414	3. Cổ phiếu quỹ		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.836.205.594	12.782.202.634
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.024.638.817.464</b>	<b>642.900.172.187</b>



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	43.492.566.576	20.910.341.719
22	7. Chi phí tài chính	17	18.705.793.515	7.131.213.234
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		460.460.278	569.715.053
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	6.624.182.833	8.693.987.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.162.590.228	5.085.140.857
31	11. Thu nhập khác	19	6.892.046.101	7.399.894.170
32	12. Chi phí khác	20	633.369	475.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		6.891.412.732	6.924.894.170
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.054.002.960	12.010.035.027
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>25.054.002.960</u>	<u>12.010.035.027</u>



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng



Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.054.002.960	12.010.035.027
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(25.590.994.406)	(12.615.888.889)
02	Khấu hao tài sản cố định		121.430.808	118.958.316
03	Các khoản dự phòng		17.179.205.084	7.605.779.461
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(43.352.090.576)	(20.910.341.719)
06	Chi phí lãi vay		460.460.278	569.715.053
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(536.991.446)	(605.853.862)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		21.225.435.274	(8.526.590.253)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(23.165.108.204)	23.730.152.791
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		583.274.666	691.415.111
13	Tiền lãi vay đã trả		(70.641.585)	(857.220.478)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(300.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.209.031.295)	14.431.903.309
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(123.251.443.204)	(22.260.022.447)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(270.544.000.000)	(15.700.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		18.767.000.000	46.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.714.264.526)	(9.086.995.496)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.180.000.000	20.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.321.308.701	21.957.963.826
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(321.241.399.029)	(5.043.054.117)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		364.578.545.000	19.999.998.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.000.000.000)	(30.105.499.504)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		357.578.545.000	(10.105.501.504)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		34.128.114.676	(716.652.312)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.197.472.826	10.913.056.380
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.068.758
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.325.587.502</u>	<u>10.197.472.826</u>



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO được đặt tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phiếu). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2013 là 322.601.220.000 đồng (tương đương 32.260.122 cổ phần). Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng.

Thông tin về các Công ty con:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu <sup>(1)</sup>	100%	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn <sup>(2)</sup>	100%	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc <sup>(3)</sup>	100%	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà <sup>(4)</sup>	61,54%	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P <sup>(5)</sup>	100%	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông <sup>(6)</sup>	100%	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng <sup>(7)</sup>	99,84%	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Hapaco Việt Hưng <sup>(8)</sup>	100%	Thôn Nước mát - Âu Lâu - Yên Bái

Thông tin về các Công ty liên kết:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng <sup>(9)</sup>	30%	Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

#### Khái quát chung về các công ty con của Tập đoàn HAPACO:

(1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất bao bì bằng gỗ; In ấn (Bao gồm in giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa).



Vốn điều lệ của Công ty là 32.894.800.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 là 26.169.600.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 441A Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- (2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11 tháng 06 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 06 năm 2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu); Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Giáo dục mầm non; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn (Chi tiết: In giấy vàng mã xuất khẩu); Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất dũa tre, dũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Số vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 là 11.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số nhà 826, Đường Điện Biên, phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

- (3) Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03 tháng 07 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trụ gỗ), cói và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 là 7.238.119.565 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM18, Quốc lộ 15A, Xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình.

- (4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18 tháng 10 năm 2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 31/12/2013 là 13.000.000.000 đồng; Trong đó, Tập đoàn HAPACO góp 8.000.000.000 đồng tương đương 61% vốn điều lệ của Công ty. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Nam Quang, Xã Vĩnh Tuy, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.





- (5) Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Km 17 Quốc lộ 5, Thôn Tiên Nông, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2013 là 155.630.855.217 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

- (6) Công ty TNHH Hapaco Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010 với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 đường Cầu Bính, Phường Sờ Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hapaco về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH HAPACO Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH HAPACO Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- (7) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.132.000.000 đồng. Trụ sở chính Công ty tại: Số 135 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- (8) Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200729753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 30 tháng 10 năm 2012, với các ngành nghề kinh doanh là: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn Sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).





Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu - Thành phố Yên Bái.

**Khái quát chung về các công ty liên kết của Tập đoàn HAPACO:**

(9) Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 03 năm 2008, cấp lại lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn thực góp của Tập đoàn HAPACO tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2013 là 75.976.000.000 đồng; Tương đương 7.597.600 cổ phần, chiếm 15,2% Vốn điều lệ của Công ty. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết theo cam kết góp vốn của Tập đoàn HAPACO vào Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng là 30%.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng đang trong giai đoạn đầu tư và chưa có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào trong năm 2013.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

- Trong năm 2013, Công ty thực hiện chuyển nhượng 1.377.000 cổ phiếu Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CN-HAP ngày 10/06/2013 mang đến khoản lãi từ hoạt động chuyển nhượng này là 23.410 triệu đồng.
- Trong năm 2013, Công ty thực hiện vay Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) là 12.000.000USD; Tương đương 252.960 triệu đồng với lãi suất là 2,75%/năm;

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN HAPACO

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Tập đoàn HAPACO áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.





## 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 05 năm |

Từ tháng 06/2013, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa là 3 năm.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn HAPACO nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn HAPACO có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn HAPACO. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời



- điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngưng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn HAPACO phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tập đoàn HAPACO không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn HAPACO và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tập đoàn HAPACO sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn HAPACO (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn HAPACO mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.13. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn HAPACO không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn HAPACO đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn HAPACO được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.14. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.15. Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	62.637.667	30.790.252
Tiền gửi ngân hàng	44.262.949.835	10.166.682.574
	<b>44.325.587.502</b>	<b>10.197.472.826</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	363.842	967.363.842
Đầu tư ngắn hạn khác	274.738.778.053	21.953.778.053
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	263.585.000.000	12.700.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 vay	-	3.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng vay	6.253.778.053	6.253.778.053
- Cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà vay	900.000.000	-
- Cho Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc vay	4.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(305.442)	(852.335.042)
	<b>274.738.836.453</b>	<b>22.068.806.853</b>

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	6.111.015.626	4.490.233.751
Phải thu khác (*)	110.555.367.697	125.497.964.862
	<b>116.666.383.323</b>	<b>129.988.198.613</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu khác tại 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Hải Phòng	18.682.504.970	18.182.504.970
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	18.717.714.897	18.964.403.161
- Phải thu Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	-	932.228.724
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	4.000.000.000
- Phải thu Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng	-	3.000.000.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	65.054.885.000	50.000.000.000
- Phải thu công nợ cá nhân	-	9.671.329.432
- Phải thu của Công ty Cổ phần Hapaco HPP	5.544.603.028	-
- Phải thu công nợ từ chuyển nhượng vốn	-	18.297.510.000
- Các khoản phải thu khác	2.555.659.802	2.449.988.575
	<b>110.555.367.697</b>	<b>125.497.964.862</b>

(\*) Theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 06 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO thì Tập đoàn HAPACO chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO cùng hợp tác đầu tư tối đa là 100 tỷ đồng để thực hiện hợp tác đầu tư vào mục đích hợp tác do hai bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Tại thời điểm 31/12/2013, Tập đoàn HAPACO đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số tiền là 65.054.885.000 đồng.

## 6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	396.309.323	307.752.623
Tài sản thiếu chờ xử lý	649.631.319	649.631.319
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	573.476.284	328.476.284
	<b>1.619.416.926</b>	<b>1.285.860.226</b>



## 7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	490.904.545	200.000.000	138.694.091	829.598.636
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	(33.363.636)	(33.363.636)
- Phân loại lại Tài sản Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	(33.363.636)	(33.363.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>490.904.545</b>	<b>200.000.000</b>	<b>105.330.455</b>	<b>796.235.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	145.907.729	119.999.994	81.212.706	347.120.429
Số tăng trong năm	32.726.964	39.999.996	48.703.848	121.430.808
- Khấu hao trong năm	32.726.964	39.999.996	48.703.848	121.430.808
Số giảm trong năm	-	-	(33.363.636)	(33.363.636)
- Phân loại lại Tài sản Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	(33.363.636)	(33.363.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>178.634.693</b>	<b>159.999.990</b>	<b>96.552.918</b>	<b>435.187.601</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	344.996.816	80.000.006	57.481.385	482.478.207
Tại ngày cuối năm	<b>312.269.852</b>	<b>40.000.010</b>	<b>8.777.537</b>	<b>361.047.399</b>

## 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà máy điện Phiêng Côn Sơn La	100.000.000	100.000.000
- Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng <sup>(1)</sup>	240.936.010.521	94.244.758.192
- Dự án nhà máy lọc dầu Đình Vũ <sup>(2)</sup>	8.412.508.611	8.412.508.611
- Dự án Khu công nghiệp Trảng Cát <sup>(2)</sup>	5.050.782.919	5.050.782.919
- Nhà máy giấy Hải Hà	1.558.422.298	3.116.844.595
	<b>256.057.724.349</b>	<b>110.924.894.317</b>

<sup>(1)</sup> Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng có tổng dự toán 299,7 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2013, Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện và dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2014.

<sup>(2)</sup> Các Dự án Nhà máy Lọc dầu, Dự án Khu công nghiệp Trảng Cát đang trong quá trình triển khai. Các chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí triển khai dự án.

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>256.226.220.713</b>	<b>254.511.956.187</b>
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	30.643.720.000	30.643.720.000
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	12.179.656.000	12.179.656.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	10.984.455.931	10.984.455.931
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc <sup>(1)</sup>	7.238.119.565	5.523.855.039
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	24.462.914.000	24.462.914.000
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	155.630.855.217	155.630.855.217
- Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng	7.086.500.000	7.086.500.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>75.976.000.000</b>	<b>89.746.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng <sup>(2)</sup>	75.976.000.000	89.746.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>40.775.251.523</b>	<b>40.816.251.523</b>
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
- Cho cá nhân vay	151.000.000	192.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn <sup>(3)</sup></b>	<b>(54.155.379.935)</b>	<b>(35.840.995.251)</b>
	<b>318.822.092.301</b>	<b>349.233.212.459</b>

<sup>(1)</sup> Trong năm 2013, Tập đoàn HAPACO thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc là 1.714.264.526 đồng; Vốn góp của Tập đoàn HAPACO chiếm 100% Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc.

<sup>(2)</sup> Trong năm 2013, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện chuyển nhượng 1.377.000 cổ phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CN-HAP ngày 10/06/2013.

<sup>(3)</sup> Chi tiết Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hải Hà	1.094.692.080	1.679.791.423
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	5.942.890.719	5.248.807.069
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	35.131.119.054	17.602.077.553
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	2.683.206.902	1.243.840.497
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	9.303.471.180	10.066.478.709
	<b>54.155.379.935</b>	<b>35.840.995.251</b>



15/3/13



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Yên Bái	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty CP TM Dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Hòa Bình	100%	100%	Trồng rừng, sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng	Yên Bái	100%	100%	Trồng rừng, sản xuất giấy

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	15,2%	30%	Khai thác cát, đá, sỏi; KD xăng dầu, Khách sạn

Vốn thực góp của Tập đoàn Hapaco tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2013 là: 75.976.000.000 đồng tương đương 7.597.600 Cổ phần, chiếm 15,2% vốn góp điều lệ của Công ty.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	252.960.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái <sup>(1)</sup>	252.960.000.000	-
Vay cá nhân <sup>(2)</sup>	27.900.000.000	2.000.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	26.100.000.000	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(3)</sup>	26.100.000.000	-
	<b>306.960.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

<sup>(1)</sup> Theo Hợp đồng vay giữa Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) và Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thì:

- Hạn mức tín dụng: 12.000.000 USD;
- Lãi suất vốn vay: 2,75%/năm;
- Số dư tại thời điểm 31/12/2013 là 12.000.000USD, tương đương 252.960.000.000 đồng.

<sup>(2)</sup> Các khoản vay cá nhân tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 9%/ năm;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện đầu tư Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế và Bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.
- Số dư tại thời điểm 31/12/2013 là 27.900.000.000 đồng.

<sup>(3)</sup> Xem chi tiết Thuyết minh Báo cáo tài chính số 14.

### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	423.404.470	423.404.470
Thuế thu nhập cá nhân	52.501.397	25.175.222
Các loại thuế khác	219.203.323	219.203.323
	<b>695.109.190</b>	<b>667.783.015</b>

Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.651.824.167	2.098.663.807
- Trích trước chi phí lãi vay Hoạt động sản xuất kinh doanh	2.435.982.500	2.046.163.807
- Trích trước chi phí lãi vay cho Dự án Bệnh viện	215.841.667	52.500.000
Chi phí phải trả khác	177.281.511	270.674.156
	<b>2.829.105.678</b>	<b>2.369.337.963</b>

### 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.778.392	66.225.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	57.771.044.841	78.192.326.243
	<b>57.799.823.233</b>	<b>78.258.551.788</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	13.632.539.478	13.632.539.478
- Phải trả Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	3.539.458.529	3.472.793.280
- Phải trả Công ty Cổ phần Hải Hà	-	605.800.000
- Phải trả Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	22.595.214.745	23.346.386.157
- Phải trả Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	669.023.450	-
- Phải trả Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	-	12.752.896.972
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	4.398.199.941	6.567.203.269
- Phải trả Công ty CP H.P.P do bàn giao nhà máy giấy	9.668.037.887	9.668.037.887
- Phải trả khác của Chi nhánh HAPACO tại Hà Nội	-	644.562.224
- Phải trả phải nộp khác	3.268.570.811	7.502.106.976
	<b>57.771.044.841</b>	<b>78.192.326.243</b>



2013/12/31  
 TẬP ĐOÀN  
 HAPACO



#### 14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	94.620.233.000	42.001.688.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	94.620.233.000	42.001.688.000
	<u>94.620.233.000</u>	<u>42.001.688.000</u>

(\*) Thông tin chi tiết về khoản vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2013:

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 06/2010/HĐTD/TH-PN/PGB-HO ngày 15/12/2010 giữa Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng là: 209.000 triệu đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ Dự án bệnh viện Phụ sản quốc tế Hải Phòng;
- Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Trả gốc theo lịch trong hợp đồng;
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: 9,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ dự án;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2013 là 120.720.233.000 đồng; Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 26.100.000.000 đồng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Địa chỉ: Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	244.362.290.000	204.559.758.671	(4.570.790.000)	144.748.248	44.271.598.932	4.528.042.732	7.093.313.544	500.388.962.127							
Tăng vốn trong năm trước	36.390.320.000	(36.390.320.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	1.193.821	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.193.821	-
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.321.145.937)	(6.321.145.937)	-
Giảm khác	-	-	-	(145.942.069)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(145.942.069)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>280.752.610.000</b>	<b>168.169.438.671</b>	<b>(4.570.790.000)</b>	<b>-</b>	<b>44.271.598.932</b>	<b>4.528.042.732</b>	<b>12.782.202.634</b>	<b>505.933.102.969</b>							
Tăng vốn trong năm nay (*)	41.848.610.000	(41.848.610.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.054.002.960	25.054.002.960	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>126.320.828.671</b>	<b>(4.570.790.000)</b>	<b>-</b>	<b>44.271.598.932</b>	<b>4.528.042.732</b>	<b>37.836.205.594</b>	<b>530.987.105.929</b>							

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HAP ngày 20/09/2013, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn đầu tư của Chủ sở hữu để chi trả cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 15:100 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần.





b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của đối tượng khác	322.601.220.000	100,00%	280.752.610.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>280.752.610.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	280.752.610.000	244.362.290.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	41.848.610.000	36.390.320.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	322.601.220.000	280.752.610.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.260.122	28.075.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.260.122	28.075.261
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.260.122	28.075.261
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.104.652	27.919.791
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.104.652	27.919.791
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
- Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.862.042.750	2.716.266.719
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần <sup>(*)</sup>	23.410.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.080.047.826	18.194.075.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.476.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	120.000.000	-
	<b>43.492.566.576</b>	<b>20.910.341.719</b>

(\*) Lợi nhuận từ chuyển nhượng 1.377.000 cổ phiếu vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CN-HAP ngày 10/06/2013.

### 17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	460.460.278	569.715.053
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	782.000.000	1.243.615
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	134.105
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	17.462.355.084	6.560.120.461
Chi phí tài chính khác	978.153	-
	<b>18.705.793.515</b>	<b>7.131.213.234</b>

### 18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.479.839	7.424.016
Chi phí nhân công	3.149.006.343	4.007.170.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.430.808	118.958.316
Thuế, phí và lệ phí	330.306.753	162.382.426
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(283.150.000)	1.045.659.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.952.362.373	719.540.673
Chi phí khác bằng tiền	1.343.746.717	2.632.852.534
	<b>6.624.182.833</b>	<b>8.693.987.628</b>

### 19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ sử dụng nhãn hiệu HAPACO	6.861.975.533	6.527.992.665
Thu nhập khác	30.070.568	871.901.505
	<b>6.892.046.101</b>	<b>7.399.894.170</b>

### 20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí khác	633.369	475.000.000
	<b>633.369</b>	<b>475.000.000</b>



## 21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	25.054.002.960	12.010.035.027
Các khoản điều chỉnh tăng	(17.080.047.826)	(16.525.416.047)
- Tăng từ chi phí không hợp lệ để tính thuế	-	1.668.658.953
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(17.080.047.826)	(18.194.075.000)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.973.955.134	(4.515.381.020)
Chuyển lỗ từ năm trước	(7.973.955.134)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	423.404.470	423.404.470
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>	<b>423.404.470</b>	<b>423.404.470</b>

## 22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.325.587.502	-	10.197.472.826	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.238.940.519	(2.002.672.434)	131.560.755.809	(2.285.822.434)
Các khoản cho vay	274.889.778.053	-	22.145.778.053	-
Đầu tư ngắn hạn	363.842	(305.442)	967.363.842	(852.335.042)
Đầu tư dài hạn	40.624.251.523	(11.986.678.082)	40.624.251.523	(11.310.319.206)
	<b>478.078.921.439</b>	<b>(13.989.655.958)</b>	<b>205.495.622.053</b>	<b>(14.448.476.682)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	401.580.233.000	44.001.688.000
Phải trả người bán, phải trả khác	87.629.735.126	89.196.642.888
Chi phí phải trả	2.829.105.678	2.369.337.963
	<b>492.039.073.804</b>	<b>135.567.668.851</b>

Tập đoàn HAPACO chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### *Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tập đoàn HAPACO chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.325.587.502	-	-	44.325.587.502
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.236.268.085	-	-	116.236.268.085
Các khoản cho vay	274.738.778.053	151.000.000	-	274.889.778.053
Đầu tư ngắn hạn	58.400	-	-	58.400
Đầu tư dài hạn	-	-	28.637.573.441	28.637.573.441
<b>Cộng</b>	<b>435.300.692.040</b>	<b>151.000.000</b>	<b>28.637.573.441</b>	<b>464.089.265.481</b>



**Tại ngày 01/01/2013**

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.197.472.826	-	-	10.197.472.826
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.274.933.375	-	-	129.274.933.375
Các khoản cho vay	21.953.778.053	192.000.000	-	22.145.778.053
Đầu tư ngắn hạn	115.028.800	-	-	115.028.800
Đầu tư dài hạn	-	-	29.313.932.317	29.313.932.317
<b>Cộng</b>	<b>161.541.213.054</b>	<b>192.000.000</b>	<b>29.313.932.317</b>	<b>191.047.145.371</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	306.960.000.000	-	94.620.233.000	401.580.233.000
Phải trả người bán, phải trả khác	87.629.735.126	-	-	87.629.735.126
Chi phí phải trả	2.829.105.678	-	-	2.829.105.678
	<b>397.418.840.804</b>	<b>-</b>	<b>94.620.233.000</b>	<b>492.039.073.804</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	2.000.000.000	-	42.001.688.000	44.001.688.000
Phải trả người bán, phải trả khác	89.196.642.888	-	-	89.196.642.888
Chi phí phải trả	2.369.337.963	-	-	2.369.337.963
	<b>93.565.980.851</b>	<b>-</b>	<b>42.001.688.000</b>	<b>135.567.668.851</b>

Tập đoàn HAPACO cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn HAPACO có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**23. THÔNG TIN KHÁC**

Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn HAPACO được miễn giảm từ năm 1998 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO chưa góp vốn vào Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Hà Nội, Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng, Công ty TNHH Thương mại Đại Việt.

Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Công ty nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Cam kết góp vốn	Vốn thực góp đến 31/12/2013	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kinh doanh TM và XNK HAPACO - Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng	120.000.000.000	61.200.000.000	-	51,0%
Công ty TNHH Thương mại Đài Việt	14.450.000.000	14.450.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	500.000.000.000	150.000.000.000	75.976.000.000	30,0%
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	13.400.000.000	7.238.119.565	29,8%
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	120.432.000.000	155.630.855.217	94,8%
Công ty TNHH Phương Đông	30.000.000.000	30.000.000.000	10.984.455.931	100,0%
Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	10.000.000.000	10.000.000.000	7.086.500.000	100,0%
<b>Cộng</b>	<b>881.450.000.000</b>	<b>434.482.000.000</b>	<b>256.915.930.713</b>	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn HAPACO là 500.003 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2013, Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp là 322.601 triệu đồng.

#### 24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

#### 25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND	
<b>Doanh thu Phí thương hiệu</b>				
-	Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Công ty con	5.313.619.008	4.691.609.917
-	Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	-	538.763.464
-	Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Công ty con	1.548.356.525	1.297.619.284





	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Cổ tức nhận được trong năm</b>			
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Công ty con	13.084.800.000	10.467.840.000
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Công ty con	1.100.000.000	1.650.000.000
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	2.895.247.826	6.076.235.000
<b>Lãi vay nhận được trong năm</b>			
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	314.426.063	635.800.768
- Công ty Cổ phần Hải hà	Công ty con	86.400.000	-
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	202.250.000	-
<b>Lãi vay phải trả trong năm</b>			
- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	942.391.667	54.166.667
<b>Vay vốn</b>			
- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	27.900.000.000	2.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	6.253.778.053	6.253.778.053
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	900.000.000	-
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải hà	Công ty con	4.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Phải thu</b>			
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	3.860.752.225	9.778.104.215
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	-	932.228.724
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Công ty liên kết	-	346.811.000
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	5.544.603.028	-
<b>Phải trả</b>			
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	669.023.450	-
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	3.539.458.529	3.472.793.280
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Công ty con	22.595.214.745	23.346.386.157
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	9.668.037.887	22.420.934.859
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Công ty con	4.398.199.941	6.567.203.269
- Công ty Cổ phần Hải hà	Công ty con	-	605.800.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.449.654.065	2.635.699.200

## 26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu

